

Bản án số: 671/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29 tháng 4 năm 2022

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thiện Liên Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh

2. Ông Trần Văn Phú

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Trường, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 0520/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị A**

Sinh năm: 1983

Địa chỉ thường trú: 180/43 X, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: A6/4B Ấp B, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Lê Mạnh B**

Sinh năm: 1980

Địa chỉ thường trú: 180/43 X, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và các biên bản tại Tòa án, nguyên đơn là bà Lê Thị A trình bày:

Bà Lê Thị A và ông Lê Mạnh B đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 164, ngày 05/9/2005). Hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện. Bản chính giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc.

Thời gian đầu bà A và ông B chung sống bình thường, nhưng bắt đầu từ năm 2010 thì do luôn bất đồng quan điểm, lối sống, tính tình đôi bên không phù hợp nên giữa bà A và ông B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Ông B không lo làm việc, suốt ngày uống rượu bia, không quan tâm đến gia đình. Khi say rượu thì ông B lại chửi mắng bà A và con. Bà A và ông B đã nhiều lần tự hòa giải hàn gắn với nhau nhưng vẫn không có kết quả. Đến nay thì mâu thuẫn giữa bà A và ông B đã đến mức trầm trọng, không thể nào giải quyết được, tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được, bà A không thể nào tiếp tục chung sống với ông B được nữa nên bà A yêu cầu Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh giải quyết cho bà A ly hôn với ông Lê Mạnh B để các bên có thể sớm ổn định cuộc sống của mình. Bà A và ông B đã ly thân từ năm 2011 cho đến nay.

Về con chung: Bà A và ông B có 01 con chung là Lê Quốc C - sinh ngày 02/5/2006. Bà A yêu cầu giao trẻ C cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà A có đủ khả năng nuôi con nên không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Buổi sáng bà A làm công việc phụ bán hủ tiếu cho chị bà A. Buổi trưa bà A làm công việc phụ bán hàng trên mạng cho tư nhân. Mức thu nhập của bà A là khoảng 8.000.000 (tám triệu) đồng/tháng. Bà A là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ C từ khi trẻ C được sinh ra cho đến nay nên bà A rất hiểu rõ tâm sinh lý của trẻ C.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Bà A tự nguyện nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Bị đơn - ông Lê Mạnh B vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã thực hiện thủ tục triệu tập hợp lệ. Ông B cũng không gửi văn bản phản hồi đến Tòa.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Lê Thị A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Lê Mạnh B vắng mặt không có lý do. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Lê Thị A vẫn giữ các nguyên ý kiến và yêu cầu như trên.

Tại phần tranh luận, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến tranh luận.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể: Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ kiện thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát thực hiện theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 209, Điều 210, Điều 211 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, còn một số vi phạm như : Vi phạm Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự tổng đạt thông báo thụ lý cho đương sự trễ hạn, vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí, nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh ly hôn. Bị đơn có nơi cư trú tại quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là bà Lê Thị A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

Tòa đã tổng đạt xét xử hợp lệ triệu tập bị đơn là ông Lê Mạnh B tham gia phiên tòa sơ thẩm lần 1 mở ngày 07 tháng 4 năm 2022 và lần 2 mở ngày 29 tháng 4 năm 2022 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng vụ án mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 164 do Ủy ban nhân dân phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Lê Thị A và ông Lê Mạnh B ngày 05 tháng 9 năm 2005 cùng lời trình bày của đương sự có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị A và ông Lê Mạnh B là hôn nhân hợp pháp.

Về phía bà Ly khai, trong quá trình chung sống, do luôn bất đồng quan điểm, lối sống, tính tình đôi bên không phù hợp nên bà A và ông B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Ông B không lo làm việc, suốt ngày uống rượu bia, không quan tâm đến gia đình. Khi say rượu thì ông B lại chửi mắng bà A và con. Bà A và ông B đã nhiều lần tự hòa giải hàn gắn với nhau nhưng vẫn không có kết quả. Đến nay thì mâu thuẫn giữa bà A và ông B đã đến mức trầm trọng, không thể nào giải quyết được, tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được, đôi bên không thể nào tiếp tục chung sống với nhau được nữa vì vậy bà A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Lê Mạnh B để các bên có thể sớm ổn định cuộc sống của mình. Bà A và ông B đã ly thân từ năm 2011 cho đến nay.

Về phía ông B, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục triệu tập ông B đến Tòa để giải quyết vụ việc cũng nhằm để ông B bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng ông B vẫn không có

mặt, cũng như không có bất kỳ sự phản hồi nào cùng các chứng cứ, tài liệu kèm theo chứng tỏ ông B cũng không có mong muốn duy trì cuộc hôn nhân này.

Xét thấy, một gia đình hạnh phúc, bền vững phải được xây dựng từ thiện chí và tình cảm tự nguyện của vợ và chồng, nhưng đối với hôn nhân của bà A và ông B, cả hai thể hiện sự không mong muốn tiếp tục duy trì hôn nhân, hôn nhân này không đạt được mục đích nên yêu cầu ly hôn của bà A đối với ông B là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Bà A xác nhận bà A và ông B có 01 con chung là Lê Quốc C - sinh ngày 02/5/2006. Bà A yêu cầu giao trẻ C cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà A có đủ khả năng nuôi con nên không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục triệu tập ông B đến Tòa để giải quyết vụ việc cũng nhằm để ông B bảo vệ quyền lợi của mình nhưng ông B vẫn không có mặt, cũng như không có bất kỳ sự phản hồi nào về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và mức cấp dưỡng nuôi con.

Nhận thấy, bà A hiện có nơi cư trú, có việc làm và thu nhập ổn định đảm bảo cho việc nuôi dưỡng và chăm lo cho việc học tập của con. Đồng thời, trẻ C cũng có nguyện vọng được sống chung với bà A. Do đó, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của bà A có cơ sở chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà A trình bày do bà có đủ khả năng nuôi con và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà A không yêu cầu giải quyết vấn đề tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về vấn đề tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà A xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị A - sinh năm 1983 được ly hôn với ông Lê Mạnh B - sinh năm 1980.

2. Về con chung: Có 01 con chung là Lê Quốc C - sinh ngày 02/5/2006. Giao trẻ C cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận việc bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi trẻ C.

Ông B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Bà Lê Thị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0089472 ngày 01/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; bà A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Án xử công khai. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Y;
- Chi Cục THADS Q.Y;
- UBND P.X, Q.Y;
- Các đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thiện Liên Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- Chi Cục THADS quận Bình Thạnh;
- UBND Phường 3, quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thiện Liên Hương